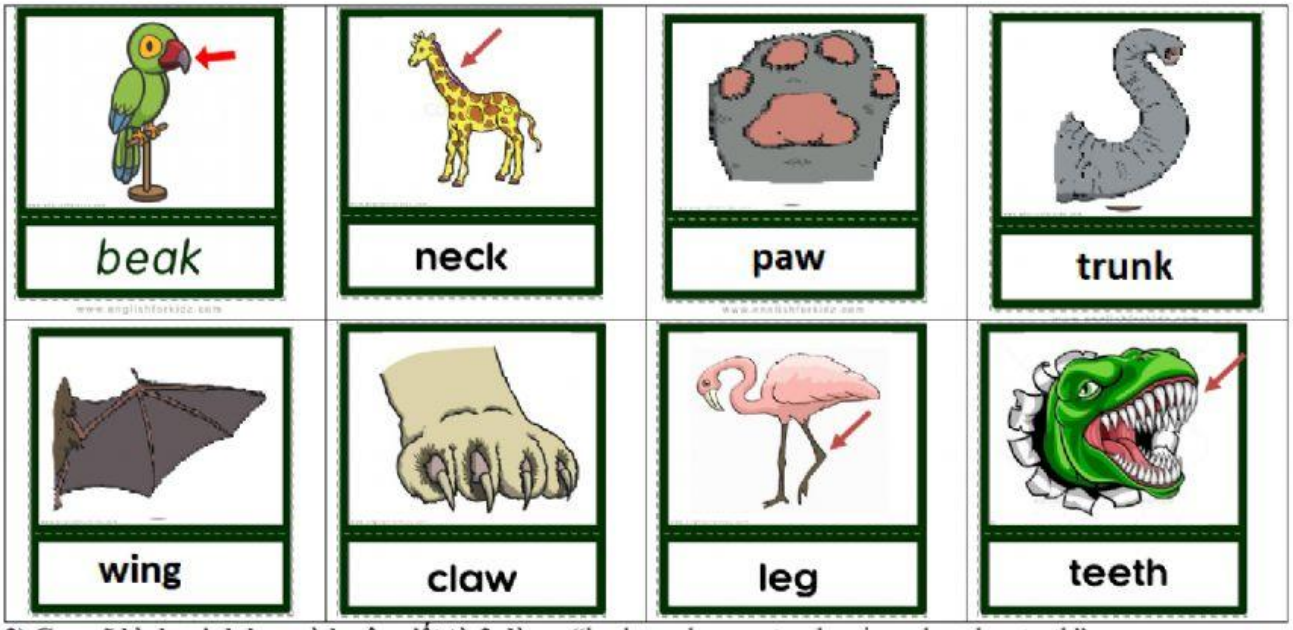
Name: ..... Class: 3 ....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (20 - 24/09/2021)

Thời gian	Nội dung học - Unit 2 – Big Question + Vocabulary 1
Thứ 2 (20/09)	**1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 3 lần** Con mở audio bên cạnh để nghe bài. 🎧



2) Con vẽ hình minh hoạ và luyện viết từ 2 dòng: "beak, neck, paw, trunk, wing, claw, leg, teeth"

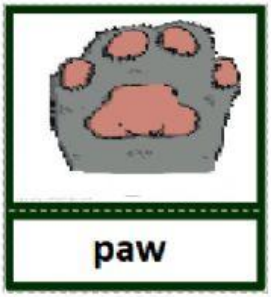
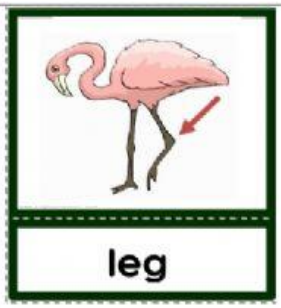
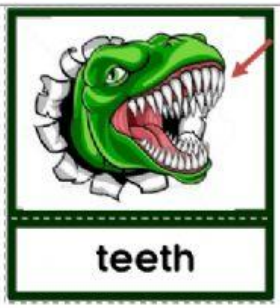
3) Con làm **sách Workbook (trang 18) – How do we know about the past**?

LIVEWORKSHEETS

Thứ 3 (21/09)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 3 lần

Con mở audio bên cạnh để nghe bài. 🎧

 beak	 neck	 paw	 trunk
 wing	 claw	 leg	 teeth

2. Làm **phiếu số 1** trong workbook **NIK 3 –Week 8** trên **Liveworksheets**

3**. Làm bài nói "My favourite animal"** và đăng lên padlet (con có thể làm luôn hoặc làm sau, hạn đến hết thứ 6)

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4
(22/09)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 3 lần

Con mở audio bên cạnh để nghe bài. 🎧



2) Con luyện viết từ mới: herbivore, carnivore, dinosaur, horn, tail, extinct, quick, careful, loud, dead.

3) Làm **phiếu số 2** trong workbook **NIK 3 –Week 8** trên **Liveworksheets**

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5 (23/09)	**1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 2 lần** Con mở audio bên cạnh để nghe bài. 🎧  **2)** Con làm **sách Workbook (trang 19) – Phần Vocabulary (bài 1, 2 và 3)**

LIVEWORKSHEETS

Thứ 6 (24/09)	**1) Con nghe lại CD nghe của thứ 3 và thứ 4 (nghe + chỉ tay + nhắc lại)** **2) Quay bài nói về " My favourite animal" và gửi video lên padlet** Con có thể nói theo các gợi ý sau và theo hướng dẫn/ video mẫu ở link trong padlet **My favorite animal** • My favorite animal is…… • It is…… • It has…… • It eats…… • It can……

~ THE END ~

LIVEWORKSHEETS